

Bản án số: 381/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị T Hiền

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Lâm

2/ Bà Nguyễn Thị Liên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* Bà Lê Trương Hà Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T – sinh năm 1974; Địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Duy H – sinh năm 1973; Địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Có văn bản xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/01/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn, bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Trần Duy H tự nguyện chung sống từ năm 2003, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2003 cấp ngày 10/02/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng cư ngụ tại địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H thường uống rượu, về nhà la mắng, đánh đập vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H, hôn nhân không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con tên Trần Huy H1, sinh ngày: 16/9/2003 và Trần Quang M, sinh ngày 19/8/2014. Hiện nay cả hai con đều đang ở với bà. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H1 và trẻ M, không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con. Hiện nay

bà đang làm hộ lý tại Bệnh viện mắt Thành phố Hồ Chí Minh có T nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung : bà T khai hai bên tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà T khai không có.

*Tại giấy cam kết ngày 11/03/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn ông Trần Duy H trình bày:* Ông thừa nhận lời trình bày của bà T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu Tẫn không thể hàn gắn. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông cũng đồng ý. Ngoài ra ông có ý kiến xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử. Mọi tranh chấp ly hôn do bà T tự quyết.

*Tại phiên tòa :*

Nguyên đơn bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về con chung : bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Huy H1, sinh ngày: 16/9/2003 và Trần Quang M, sinh ngày 19/8/2014. Hiện nay trẻ Hoàng và trẻ Minh do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có công việc ổn định, T nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: bà và ông H tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: bà khai không có.

Bị đơn Trần Duy H có văn bản xin vắng mặt

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Duy H có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án Tộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết, ông H có văn bản yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt khi xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây cấp ngày 10/02/2003 thể hiện hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Trần Duy H là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T có yêu cầu ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa bà T và bà H phát sinh mâu Tẫn từ năm 2015. Bà T và

ông H đều xác nhận mâu thuẫn gia đình không giải quyết được nên đã sống ly thân nhau, ông H cũng thống nhất ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2.1.2] Về con chung: bà T và ông H có 02 con tên Trần Huy H1, sinh ngày: 16/9/2003 và Trần Quang M, sinh ngày 19/8/2014. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Mặc dù ông H không ghi cụ thể ý kiến của ông về giải quyết con chung cụ thể thế nào nhưng không có ý kiến mọi tranh chấp ly hôn do bà Trần Thị T tự quyết, ông không tranh chấp khiếu nại trong vấn đề giải quyết ly hôn. Xét việc trẻ Hoàng và trẻ Minh đang sống với mẹ, trẻ H1 lại có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ H1 và trẻ M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con

[2.1.3] Về tài sản chung: bà T khai hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.1.4] Về nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 ; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc “Ly hôn”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Trần Duy H.

3. Về con chung: Bà T và ông H có 02 con tên Trần Huy H1, sinh ngày: 16/9/2003 và Trần Quang M, sinh ngày 19/8/2014. Giao trẻ H1 và trẻ M cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con cho ông H do bà T không yêu cầu.

Quyền thăm nom chăm sóc con chung và các quyền, lợi ích chính đáng liên quan đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con được pháp luật ghi nhận và bảo vệ tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: bà T khai không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Thị T nộp nh được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai T số 0069054 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà T đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thị T Hiền**